

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG

SẢN PHẨM SUN - TRỌN VẸN ƯỚC MƠ - Kế hoạch chi trả 15 năm

Bên mua bảo hiểm: A - Địa chỉ:..... | Điện thoại:

SUN - Trọn Vẹn Ước Mơ, giải pháp tài chính an toàn, hiệu quả với quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo.

QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM(*)

Tổng quyền lợi tiết kiệm: 1.400.528.585 đồng

- ✓ **Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo:** 600.000.000 đồng nhận trong 15 năm.
- ✓ **Quyền lợi đáo hạn hấp dẫn:** nhận 250.000.000 đồng Quyền lợi đáo hạn đảm bảo và 550.528.585 đồng Thưởng lộc hàng năm tích lũy đến cuối thời hạn hợp đồng.

(*) Được minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 3%/năm

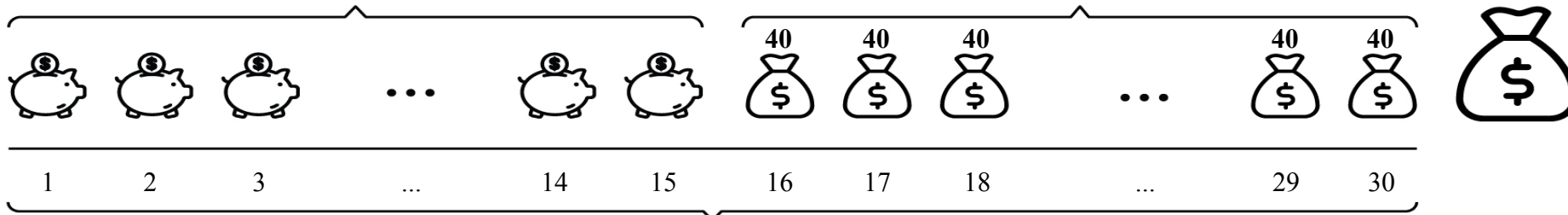
QUYỀN LỢI BẢO VỆ

- ✓ **An tâm tài chính trong suốt thời hạn bảo hiểm trước rủi ro tử vong/thương tật và bệnh hiểm nghèo:**
 - Chi trả từ 500.000.000 đồng nếu Người được bảo hiểm không may tử vong/bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
 - Miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai khi Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo ngay từ giai đoạn đầu; và các quyền lợi tiết kiệm, quyền lợi bảo vệ tử vong/thương tật vẫn được đảm bảo chi trả.

Đơn vị tính: triệu đồng
801

Đóng phí trong 15 năm

Nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ trong 15 năm



Nhận từ 500.000.000 đồng nếu Người được bảo hiểm không may tử vong/ bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Dịch vụ Hỗ trợ tư vấn y khoa (**) dành cho Người được bảo hiểm chính: cung cấp tư vấn y khoa từ các bác sĩ chuyên khoa uy tín trên thế giới về hướng điều trị và cơ sở chữa trị cho tình trạng bệnh.

(**) Đây là dịch vụ ưu đãi tăng thêm được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ do Sun Life Việt Nam chỉ định. Sun Life Việt Nam bảo lưu quyền điều chỉnh hoặc ngừng cung cấp dịch vụ này tại bất kỳ thời điểm nào.

Người lập: LÂM THANH THẢO | Mã số: IQH7 | Chi nhánh/Văn phòng: AP
Điện thoại: 999999999 | Địa chỉ Email: TEST@SUNLIFE.COM.VN | Ngày lập: 18/03/2020



Bên mua bảo hiểm: A

Tuổi: 35

Giới tính: Nam

Đơn vị tính: đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm)	Thời hạn đóng phí (Năm)	Phí bảo hiểm năm
A	35 - Nam	2	SUN - Trọn Vẹn Ước Mơ với Quyền lợi miễn đóng phí	500.000.000	30	15	37.610.001
			BH Bổ Sung - Tai Nạn Toàn Diện	500.000.000	15	15	1.400.000
			BH Bổ Sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện	500.000.000	15	15	3.190.000

Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm của sản phẩm chính (1)	10.154.700	19.933.301	37.610.001
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	1.239.300	2.432.700	4.590.000
Tổng Phí bảo hiểm định kỳ = (1) + (2) (*)	11.394.000	22.366.000	42.201.000

Ghi chú:

(*) Tổng phí bảo hiểm định kỳ có thể thay đổi khi khách hàng tham gia thêm/hủy bỏ (các) sản phẩm bổ sung, hoặc khi (các) sản phẩm bổ sung chấm dứt hiệu lực.

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (Đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: A			
SUN - Trọn Vẹn Ước Mơ với Quyền lợi miễn đóng phí	Tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	500.000.000 + Thưởng lộc hàng năm	- Quyền lợi TTTBVV chỉ được chi trả khi NĐBH bị TTTBVV trước tuổi 66. - Thưởng lộc hàng năm đã phát sinh (nếu có) tích lũy đến thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.
	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong danh sách bệnh được bảo hiểm	Miễn đóng phí bảo hiểm của sản phẩm chính	- Công ty sẽ miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai của sản phẩm chính kể từ Ngày đến hạn đóng phí kế tiếp sau khi Bệnh hiểm nghèo được chẩn đoán xác định. - Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực và các Quyền lợi bảo hiểm khác vẫn được chi trả theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này.
BH Bổ Sung - Tai Nạn Toàn Diện	Bị Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (**)	Tối đa 500.000.000 /Năm	NĐBH được chi trả % Số tiền bảo hiểm tương ứng với các Thương tật bộ phận vĩnh viễn được quy định tại Phụ lục I - Quy tắc và Điều khoản SPBS này.
	Bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	500.000.000	
	Bị Bồng độ 3 do tai nạn	500.000.000	
	Tử vong do tai nạn	500.000.000	
	Tử vong do tai nạn trong các ngày nghỉ Lễ/Tết của Việt Nam	1.000.000.000	
	Tử vong do tai nạn khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng	1.000.000.000	
	Tử vong do Tai nạn máy bay	1.500.000.000	

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (Đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: A			
BH Bỏ Sung - Bệnh Hiếm Nghèo Toàn Diện	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiếm nghèo giai đoạn đầu (***)	125.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Bệnh hiếm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 500 triệu đồng.
	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiếm nghèo (***)	500.000.000	
	Bị chẩn đoán mắc Biến chứng tiểu đường (***)	125.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Biến chứng tiểu đường của tất cả các hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 250 triệu đồng.

Ghi chú:

(**) Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng quyền lợi bảo hiểm Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn tối đa được chi trả là 100% Số tiền bảo hiểm. Sau khi quyền lợi bảo hiểm này được chi trả, sản phẩm bảo hiểm bỏ sung này vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.

(***) Quyền lợi được chi trả với điều kiện: Người được bảo hiểm còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán; và bệnh được chẩn đoán xác định sau 90 ngày kể từ ngày SPBS này có hiệu lực hoặc Ngày khôi phục Hợp đồng bảo hiểm gần nhất (nếu có); và không thuộc các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này.

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN

Danh sách Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu		
I. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17		
1. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim 2. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 3. Động kinh nặng		
II. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 18 - 75		
1. Ung thư giai đoạn đầu/Ung thư biểu mô tại chỗ 2. Tạo hình mạch máu và các phương pháp điều trị xâm lấn khác đối với bệnh động mạch vành 3. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 4. Cấy máy tạo nhịp tim/Cấy máy khử rung tim	5. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/Suy thận cấp 6. Đặt lưu dẫn não thất 7. Phẫu thuật Phình mạch máu não/ Dị dạng mạch máu não (AVM) 8. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 9. Xơ gan 10. Ghép ruột non	11. Phẫu thuật gan 12. Ghép giác mạc 13. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim có thất 14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 16. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 17. U tủy thượng thận
III. Áp dụng cho NDBH có Tuổi hiện tại từ 65 - 75		
1. Gãy cột sống do Tai nạn 2. Đột quỵ có chỉ định phẫu thuật cắt bỏ nội mạc động mạch cảnh 3. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy		

Danh sách Biến chứng tiểu đường
1. Cắt cụt chi thứ phát do tiểu đường 2. Phẫu thuật Laser quang đông điều trị bệnh võng mạc do tiểu đường 3. Bệnh thận do tiểu đường

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN

Danh sách Bệnh hiểm nghèo		
I. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 75		
1. Bệnh Alzheimer 2. Phẫu thuật động mạch chủ 3. Bệnh thiếu máu bất sản 4. Viêm màng não do vi khuẩn 5. U não lành tính 6. Mất thị lực 7. Cấy ghép tủy xương 8. Phẫu thuật sọ não 9. Bệnh cơ tim 10. Hôn mê 11. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 12. Mất thính lực 13. Viêm não 14. Bệnh suy gan giai đoạn cuối 15. Bệnh phổi giai đoạn cuối 16. Viêm gan siêu vi tối cấp 17. Bệnh nhồi máu cơ tim 18. Phẫu thuật thay thế van tim	19. Suy thận giai đoạn cuối 20. Mất các chi 21. Mất khả năng phát âm 22. Bỏng nặng 23. Ung thư đe dọa tính mạng 24. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 25. Ghép nội tạng chính 26. Bệnh nang tủy thận 27. Bệnh tế bào thần kinh vận động 28. Bệnh đa xơ cứng 29. Bệnh teo cơ 30. Liệt 31. Bệnh Parkinson 32. Bệnh bại liệt 33. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 34. Viêm đa khớp dạng thấp nặng 35. Đột quy	36. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus 37. Bệnh nặng giai đoạn cuối 38. Bệnh Creutzfeldt-Jacob (bệnh bò điên) 39. Viêm tụy mạn tính tái phát 40. Nhiễm HIV do truyền máu 41. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 42. Tổn thương đám rối thần kinh cánh tay 43. Bệnh phù chân voi 44. Hội chứng Apallie / Trạng thái thực vật 45. Sốt xuất huyết Ebola 46. Suy tuyến thượng thận mạn tính / Bệnh Addison 47. Bệnh Crohn có đường rò 48. Viêm cân mạc hoại tử 49. Xơ cứng bì tiến triển 50. Liệt trên nhân tiến triển 51. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
II. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17		
1. Phẫu thuật tim 2. Bệnh tiểu đường tuýp 1	3. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim mạch 4. Bệnh Still (bao gồm Viêm khớp dạng thấp ở trẻ vị thành niên)	5. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 6. Suy giảm trí tuệ nghiêm trọng do bệnh tật hoặc tai nạn

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí BH đã đóng (theo định kỳ đóng phí Năm)	Quyền lợi (QL) đảm bảo			Quyền lợi (QL) không đảm bảo						
					QL			Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 2%/năm			Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 3%/năm
		QL tiền mặt định kỳ (1)	Giá trị hoàn lại (2)	QL tử vong/TTTBVV (3)	QL tiền mặt để lại hưởng lãi 6,5%/năm (cộng dồn) (4)	Thưởng lộc hàng năm (5)	Giá trị hoàn lại (2)	QL tử vong/TTTBVV (3)	Thưởng lộc hàng năm (5)	Giá trị hoàn lại (2)	QL tử vong/TTTBVV (3)
1/35	37.610	-	-	500.000	-	-	-	500.000	-	-	500.000
2/36	75.220	-	-	500.000	-	-	-	500.000	-	-	500.000
3/37	112.830	-	32.500	500.000	-	2.257	32.783	502.257	3.385	32.924	503.385
4/38	150.440	-	55.000	500.000	-	3.054	55.718	505.311	4.615	56.082	508.000
5/39	188.050	-	79.000	500.000	-	3.867	80.340	509.178	5.881	81.027	513.881
6/40	225.660	-	105.500	500.000	-	4.697	107.688	513.874	7.186	108.822	521.067
7/41	263.270	-	133.500	500.000	-	5.543	136.807	519.417	8.530	138.540	529.597
8/42	300.880	-	164.000	500.000	-	6.406	168.749	525.823	9.914	171.266	539.512
9/43	338.490	-	197.000	500.000	-	7.286	203.579	533.110	11.340	207.104	550.852
10/44	376.100	-	232.500	500.000	-	8.184	241.358	541.294	12.809	246.155	563.660
11/45	413.710	-	271.000	500.000	-	9.100	282.676	550.394	14.321	289.068	577.982
12/46	451.320	-	312.500	500.000	-	10.034	327.619	560.428	15.879	335.984	593.861
13/47	488.930	-	358.000	513.377	-	10.987	377.304	571.415	17.484	388.096	611.344
14/48	526.540	-	407.000	552.867	-	11.959	431.337	583.374	19.137	445.087	630.481
15/49	564.150	-	460.000	592.358	-	12.950	490.362	596.325	20.839	507.696	651.320
16/50	-	40.000	453.500	592.358	42.600	13.209	490.796	609.534	21.464	512.333	672.784
17/51	-	40.000	446.500	592.358	87.969	13.474	491.730	623.008	22.108	518.162	694.892
18/52	-	40.000	438.500	500.000	136.287	13.743	492.804	636.751	22.771	524.934	717.663
19/53	-	40.000	430.000	500.000	187.746	14.018	494.665	650.769	23.454	533.415	741.118
20/54	-	40.000	420.500	500.000	242.549	14.298	496.959	665.068	24.158	543.376	765.276
21/55	-	40.000	410.000	500.000	300.915	14.584	499.862	679.652	24.883	555.137	790.158
22/56	-	40.000	399.000	500.000	363.074	14.876	504.104	694.528	25.629	569.620	815.788
23/57	-	40.000	386.500	500.000	429.274	15.174	508.861	709.702	26.398	586.165	842.186
24/58	-	40.000	372.500	500.000	499.777	15.477	514.408	725.179	27.190	605.281	869.376
25/59	-	40.000	357.000	500.000	574.862	15.787	521.001	740.965	28.006	627.458	897.382
26/60	-	40.000	340.000	500.000	654.828	16.102	528.945	757.068	28.846	653.277	926.227

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí BH đã đóng (theo định kỳ đóng phí Năm)	Quyền lợi (QL) đảm bảo			Quyền lợi (QL) không đảm bảo						
					QL tiền mặt định kỳ để lại hưởng lãi 6,5%/năm (cộng dồn) (4)			Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 2%/năm			Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 3%/năm
		QL tiền mặt định kỳ (1)	Giá trị hoàn lại (2)	QL tử vong/TTTBVV (3)				Thưởng lộc hàng năm (5)	Giá trị hoàn lại (2)	QL tử vong/TTTBVV (3)	Thưởng lộc hàng năm (5)
27/61	-	40.000	321.000	500.000	739.992	16.424	538.098	773.492	29.711	682.924	955.939
28/62	-	40.000	300.000	500.000	830.692	16.753	548.827	790.245	30.603	717.112	986.541
29/63	-	40.000	275.500	500.000	927.287	17.088	560.059	807.333	31.521	755.174	1.018.062
30/64	-	40.000	250.000	500.000	1.030.160	17.430	574.762	824.762	32.466	800.529	1.050.529

Đơn vị tính: đồng

	Giá trị đảm bảo	Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 2%/năm	Giá trị minh họa với tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm 3%/năm
Giá trị chi trả vào Ngày đáo hạn hợp đồng	250.000.000	574.762.271	800.528.585
Tổng QL tiết kiệm nếu nhận QL tiền mặt định kỳ đúng hạn	850.000.000	1.174.762.271	1.400.528.585
Tổng QL tiết kiệm nếu để lại QL tiền mặt định kỳ để hưởng lãi đến cuối thời hạn hợp đồng		1.604.922.685	1.830.688.998

Ghi chú:

- (1) Quyền lợi tiền mặt định kỳ được chi trả vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, bắt đầu từ sau khi kết thúc Thời hạn đóng phí cho đến trước Ngày đáo hạn hợp đồng.
- (2) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.
- (3) Quyền lợi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn chỉ được chi trả nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trước tuổi 66. Công ty đảm bảo rằng Quyền lợi tử vong/TTTBVV không thấp hơn 105% tổng phí bảo hiểm đã đóng trừ đi các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ đã phát sinh (nếu có) tính đến thời điểm Người được bảo hiểm tử vong/bị TTTBVV.
- (4) Lãi suất tích lũy đối với Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại hưởng lãi được Công ty công bố tại từng thời điểm và có thể tăng hoặc giảm theo thời gian.
- (5) Tỷ lệ Thưởng lộc hàng năm thực tế được Công ty thông báo vào đầu mỗi năm dương lịch kể từ Năm hợp đồng thứ 3. Các khoản Thưởng lộc hàng năm đã phát sinh sẽ được đảm bảo chi trả toàn bộ vào Ngày đáo hạn hợp đồng hoặc khi Công ty chi trả Quyền lợi tử vong, hoặc Quyền lợi TTTBVV.
- Tài liệu minh họa bán hàng này được xây dựng trên giả định Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ theo định kỳ đóng phí năm và không có bất kỳ khoản tạm ứng nào từ Giá trị hoàn lại. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Tài liệu minh họa bán hàng theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Tài liệu minh họa bán hàng này, cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Tài liệu minh họa bán hàng này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm của sản phẩm SUN - Trọn Vẹn Ước Mơ và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định.
3. Tỷ lệ Thuởng lộc hàng năm không đảm bảo và có thể tăng hoặc giảm theo thời gian.
4. Hợp đồng bảo hiểm này là Hợp đồng bảo hiểm không tham gia chia lãi.
5. Phí bảo hiểm được đóng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty có thể thay đổi mức phí của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng và Công ty sẽ thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
6. Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Tài liệu minh họa bán hàng này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Tài liệu minh họa bán hàng này với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]